NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/2015/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2015*

THÔNG TƯ
Quy định hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.

2. Khách hàng sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kinh doanh, cung ứng trên thị trường trong nước, bao gồm:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng;

b) Pháp nhân (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Tại Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản phẩm phái sinh lãi suất là công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về lãi suất.

2. Hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất là việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao kết và thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất với tổ chức tài chính nước ngoài trên thị trường quốc tế nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc là việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao kết và thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất với khách hàng trên thị trường trong nước nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất của khách hàng.

3. Giao dịch gốc là các giao dịch chịu rủi ro lãi suất, gồm: Gửi tiền, nhận tiền gửi; phát hành, mua bán, đầu tư giấy tờ có giá; cho vay, vay vốn; cho thuê, thuê tài chính; các giao dịch hợp pháp khác chịu rủi ro lãi suất, trừ hợp đồng phái sinh lãi suất.

4. Giao dịch đối ứng là việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao kết và thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất trên thị trường trong nước hoặc với tổ chức tài chính nước ngoài nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất đối với hợp đồng phái sinh lãi suất đã giao kết và thực hiện với khách hàng.

5. Giá trị khoản vốn gốc là số tiền của giao dịch gốc hoặc số tiền chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ bảng cân đối kế toán mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cần phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất.

6. Giá trị khoản vốn danh nghĩa là số tiền mà các bên giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất thỏa thuận làm cơ sở để tính lãi phải trả, lãi được nhận, lãi ròng hoặc mức phí (nếu có); giá trị khoản vốn danh nghĩa có thể bằng hoặc nhỏ hơn giá trị khoản vốn gốc.

7. Lãi ròng hoặc lỗ ròng từng kỳ thanh toán của hợp đồng phái sinh lãi suất là chênh lệch giữa khoản tiền lãi được nhận và khoản tiền lãi phải trả trong từng kỳ thanh toán đó.

8. Lãi ròng hoặc lỗ ròng của hợp đồng phái sinh lãi suất của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là lãi ròng hoặc lỗ ròng của tất cả các kỳ đã thanh toán của hợp đồng phái sinh lãi suất đó.

9. Lãi suất tham chiếu là mức lãi suất do các bên giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất thỏa thuận để làm căn cứ thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất.

10. Lãi suất quyền chọn giới hạn trần là mức lãi suất cao nhất do các bên giao kết hợp đồng quyền chọn lãi suất thỏa thuận nhằm phòng ngừa rủi ro lãi suất khi lãi suất thị trường biến động tăng.

11. Lãi suất quyền chọn giới hạn sàn là mức lãi suất thấp nhất do các bên giao kết hợp đồng quyền chọn lãi suất thỏa thuận nhằm phòng ngừa rủi ro lãi suất khi lãi suất thị trường biến động giảm.

12. Tổ chức tài chính nước ngoài bao gồm các ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính khác được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất

1. Hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên tham gia giao kết và thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất, phù hợp với quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất khi:

a) Được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất tại Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc bằng văn bản riêng theo quy định của pháp luật;

b) Đã ban hành văn bản quy định nội bộ về hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất phù hợp với quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.

3. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất liên quan đến ngoại hối phải thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về ngoại hối.

4. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kinh doanh sản phẩm phái sinh lãi suất trên thị trường quốc tế phải thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế.

5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng trên thị trường trong nước như đối với pháp nhân theo quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Chương II
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, CUNG ỨNG SẢN PHẨM PHÁI SINH LÃI SUẤT

Mục 1
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, CUNG ỨNG SẢN PHẨM PHÁI SINH LÃI SUẤT TRÊN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Điều 5. Mục đích hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất trên thị trường trong nước

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất cho pháp nhân nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất cho giao dịch gốc của pháp nhân đó.

2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất cho giao dịch gốc hoặc phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất phát sinh từ bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.

Điều 6. Phạm vi hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất trên thị trường trong nước

Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kinh doanh, cung ứng các loại sản phẩm phái sinh lãi suất, bao gồm:

1. Sản phẩm lãi suất kỳ hạn (Forward rate agreement): Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất với khách hàng, theo đó vào ngày giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất các bên thỏa thuận xác định mức lãi suất kỳ hạn sẽ áp dụng trên cùng giá trị khoản vốn danh nghĩa; vào ngày đến hạn hợp đồng phái sinh lãi suất, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc khách hàng thanh toán một lần duy nhất số tiền chênh lệch giữa lãi suất kỳ hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng phái sinh lãi suất với lãi suất tham chiếu trên cùng giá trị khoản vốn danh nghĩa.

2. Sản phẩm hoán đổi lãi suất một đồng tiền (Interest rate swap):

a) Sản phẩm hoán đổi lãi suất một đồng tiền (Interest rate swap): Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất với khách hàng, trong đó các bên thỏa thuận định kỳ thanh toán cho nhau khoản tiền lãi bằng cùng một đồng tiền (đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ) tính theo lãi suất được nhận và phải trả đã thỏa thuận (lãi suất cố định hoặc thả nổi) trên cùng giá trị khoản vốn danh nghĩa;

b) Sản phẩm hoán đổi lãi suất một đồng tiền cộng dồn (Accrual Interest Rate Swap): Là sản phẩm hoán đổi lãi suất một đồng tiền, trong đó ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng có thỏa thuận về khoản tiền lãi được nhận hoặc phải trả được tính theo các mức lãi suất có kèm theo các điều kiện dựa trên biến động tỷ giá, lãi suất thị trường và được cộng dồn theo kỳ thanh toán đã thỏa thuận trên cùng giá trị khoản vốn danh nghĩa.

3. Sản phẩm hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền hoặc hoán đổi tiền tệ chéo (Cross currency swap):

a) Sản phẩm hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền (Cross currency swap): Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất với khách hàng, trong đó các bên thỏa thuận định kỳ thanh toán cho nhau khoản tiền lãi bằng hai đồng tiền khác nhau tính trên giá trị khoản vốn danh nghĩa; việc trao đổi hoặc không trao đổi giá trị khoản vốn danh nghĩa do hai bên thỏa thuận, trường hợp có trao đổi giá trị khoản vốn danh nghĩa ban đầu hoặc từng phần trong kỳ hoặc cuối cùng thì áp dụng theo tỷ giá cố định được thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ giá tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng phái sinh lãi suất;

b) Sản phẩm hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền cộng dồn (Accrual Interest Rate Swap): Là sản phẩm hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền, trong đó ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng có thỏa thuận về khoản tiền lãi được nhận hoặc phải trả được tính theo các mức lãi suất có kèm theo các điều kiện dựa trên biến động tỷ giá, lãi suất thị trường và được cộng dồn theo kỳ thanh toán đã thỏa thuận trên giá trị khoản vốn danh nghĩa; việc trao đổi hoặc không trao đổi giá trị khoản vốn danh nghĩa do hai bên thỏa thuận, trường hợp có trao đổi giá trị khoản vốn danh nghĩa ban đầu hoặc từng phần trong kỳ hoặc cuối cùng thì áp dụng theo tỷ giá cố định được thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ giá tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng phái sinh lãi suất.

4. Sản phẩm quyền chọn lãi suất (Interest rate option):

a) Quyền chọn lãi suất giới hạn trần (Interest Rate Option - Cap): Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất với khách hàng, trong đó ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán cho khách hàng quyền (không phải nghĩa vụ bắt buộc) được mua mức lãi suất giới hạn trần trên giá trị khoản vốn danh nghĩa tại thời điểm trước ngày đến hạn hoặc vào ngày đến hạn của hợp đồng phái sinh lãi suất nhằm phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất biến động tăng. Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng phái sinh lãi suất, khi lãi suất tham chiếu biến động tăng và cao hơn mức lãi suất giới hạn